

80
INDO-CHINOIS
1230

EM-LAY-MAY!

LỊCH MỚI NĂM CANH-NGO

Văn-chương, Ý-trưởng,
Học-thuật

Lối lịch xem ngày biên bằng quốc
văn, có cả cách tính Giờ, xem Sao,
xem Tuổi rất là tiện lợi.

1930

晴時大吉



日日平安

VŨ NGUYỄN-PHỐ

442, rue Divillier — HANOI

BIÊN SOẠN VÀ GIỮ BẢN QUYỀN

IN TẠI NHÀ IN MẠC-ĐÌNH-TÍCH — HANOI

KHAI BÚT

Mở Bút ra chơi buổi thái-bình;
Rồng bay phượng múa dáng sinh-sinh;
Rúi-lông (1) chớ vội chê đồ hủ,
Quản-ngọc (2) đây xem giá cũng vinh!
Chẳng ngại đồ-nha (3) khi khiễn-hưng,
Có tài y-mã (4) cũng lưu-danh.
Trăm năm giữ mực ngay lòng trực; (5)
Đẹp vẻ công-danh, đẹp vẻ tình.

VŨ-NGUYỄN-PHỔ

(1, 2) Rúi-lông, Quả 1-ngọc, là tên Bút vì có sự- tích:
Mao-trủy-tử, Quả 1-thành-tử, vân vân.

(3) Ngòi bút vẽ nói khiêm-rằng: đồ-nha là bôi nhọ
cánh quạ.

(4) Y-mã là tấn cái tài làm thơ nhanh, đứng ngựa một
lát mà đọc xong bài phú vân vân.

(5) Mực làm bạn với bút. Bài nhiều câu có điển-cổ cá.

LỊCH XEM LẤY MAY

TƯ-TƯỞNG NGƯỜI LÀM LỊCH

DEPOT LEGAL
• INDOCHINE •

Nº 12716

Thời buổi bán-khai này ; kỹ-nghệ tiên bộ, thì văn-chương, ý tưởng, học-thuật của ta cũng phải bước dần lên.

Vậy cái gì mà phần tinh-thần suy đổi thì ta bỏ bỏ tinh-thần, phần hình-thức bủ lậu thì ta cải-cách hình-thức.

Hắn nước ta phần nhiều người theo lịch Tàu lâu năm đã hiểu, tuy lời lịch xem ngày suy tính theo như khoa-học lý số, cũng có điều huyền-diệu. Song nhiều chỗ phiền phức lắm, không hợp với trình-độ đương thời, khiến cho người xem ngày khó hiểu thì ít, mà người thức giả những chê những chán thì nhiều.

Nay tôi soạn ra lịch « **Xem lấy may** » này : Hồn thì hồn lịch cổ, mà ruột gan, sông áo, là ruột gan sông áo lịch kim.

Cách thức kén ngày thì phân làm ba thiên :

1o Những ngày Đại-cát.

2o Những ngày Đại-kỵ.

3o Những ngày Tiết-khí.

Trong những ngày tốt ấy có chưa cả, Sao gì ? Trục gì ? Hành gì ? ngày gì ? Để cho người ta biết mà tránh

tuổi sung, tuổi khắc. Lại có chua cả giờ tốt nữa; vì lẽ kén ngày không bằng kén giờ; được giờ tốt thì việc phải kiêng cũng chẳng cần kiêng.

Độc-giả hãy nên suy câu truyện sau này :

Có một đám cưới nhà giai đón dâu về, liền thấy một vị quan thân, tiến vào hỏi hôn chủ rằng, ai chọn ngày cưới ? Hôn chủ, bầm Cự Lớn : Thấy đồ cháu xem cho cháu ạ.

Vị quan thân hỏi thấy đồ :

-- Ngày hôm nay có sao Phi-ma-sát, kiêng nhứt là đón dâu. Sao thấy lại kén ngày cưới cho người ta ?

— Bầm Cự Lớn, chúng tôi cũng biết kiêng, cho nên tôi phải kén giờ tốt có Quí-nhân-phúc-tinh.

— Chính mắt tôi trông thấy con ma mặc áo sô gai theo sau kiểu cô dâu.

— Bầm thê, Cự Lớn thực là vị Phúc-tinh; Xin mời Cự-Lớn ở lại đây soi chén rượu mừng cho chủ nhân tôi; Thì chắc là cái Phi-ma-sát đó, đêm nay không dám đột nhập buồng cô-dâu nữa.

Đôi vợ chồng ấy rồi không việc gì cả... Thê mới biết, thấy đồ này là một tay Xem lịch trợn ngày rất dỏ. Lịch **Xem lấy may** cũng theo ý kiên đó.

Khấn lễ Giao Thừa

(Canh-ngọ)

Đạo hiệu quan cũ ;

Ngô vương hành-khiên, yêu hảo hành binh chi thần,

Hứa tào phán quan.

Đạo hiệu quan mới :

Tần vương hành khiển, yêu hảo hành binh chi thần,
Vương tào phán quan.

BA NGÀY TẾT :

Mồng một Tết : ngày Canh-Thìn.

Xuất hành : Tài-thần phương Bắc, (Giờ Dần, Tỵ, Ngọ, Thân tốt).

Mồng hai : ngày Tân-Tỵ.

Xuất hành : Tài-thần phương Đông (Giờ Sửu, Tỵ, Ngọ, Mùi, tốt).

Mồng ba : ngày Nhâm-Ngọ.

Xuất hành : Tài-thần phương Đông (Giờ Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ tốt).

NGÀY NHÂN-NHẬT

Sách « Lễ tục » nói rằng: Từ mồng 1 tết đến mồng 8 mỗi ngày thuộc một thứ, như là: Mồng 1 là Gà, 2 Chó, 3 Lợn, 4 Dê, 5 Châu, 6 Ngựa, 7 Người (là ngày Nhân, nhật.) 8 Thóc.

— 4 —

Trong 8 ngày, hể ngày nào tạnh rợp quang quẻ, là năm ấy lợi đông ấy; ngày nào mưa gió u-âm là năm ấy hại đông ấy.

MẮT MẮN NGHIỆM GIỜ

Tý, ngọ, mao, dậu, hình sợi chỉ,
Dần, Thân, Tị, Hợi, tựa tròn gương,
Thìn, tuất, Sửu, Mùi, hình hạt chám,
Ngày nào cũng thế chẳng sai thường.

dịch sách Tăng-Bổ quảng ký

NĂM CANH-NGỌ

Xuân Ngưu Đồ Thuyết

Bắt đầu chữ **mùa xuân** đọc đi, thành bài thơ 8 câu mỗi câu 5 chữ.



Theo ý kiến sách **Địa-mẫu-kinh** dịch ra, để bà con mình xét nghiệm.

TỤC KIÊNG QUÉT NHÀ

Sách « Suru-Thần-Ký » có truyện người lái buôn tên là Âu-Minh, không rõ vì duyên cớ gì được yết kiến vị thần hồ Thanh-Thảo, thần hồ hỏi muốn gì? Minh chỉ xin như nguyện, thần hồ bừa cho, và dặn rằng lên bờ cứ hô to như nguyện là được như nguyện. Khi ra khỏi hồ Minh cũng theo lời hô « Như nguyện » thì thấy một thiều nữ tự xưng là Như-Nguyện theo Minh về...

Từ đó Minh làm gì cũng được như nguyện, buôn bán phát tài, không mấy năm nổi giàu to. Chẳng may một ngày tết kia, Như-Nguyện ngủ dậy trưa, khách đến bấy còn rù đầu ra; Minh bảo thì cãi giả, Minh nổi giận vớ ngay roi đét cho một chập, Như-Nguyện chui vào cái Chối-Sẻ rồi biến mất;

Nhà Âu-Minh từ đó nghèo xuống ! Bởi thế, ngày nay tết ta kiêng không dám để lộ Chối-Sẻ ra, là e cái điềm súi đó.

Nhưng tôi thiết tưởng cái điềm hay dở là quan hệ ở sự tự-nhiên, chứ không phải ở sự cô-ý ! Song mà ngày tết để cái chối ra chỗ chúng mục quan chiêm thì cũng khiêm nhã ; không nên !

CÁC NGÀY HỘI CÁC ĐỀN, PHỦ

CÁC NƠI HỘI	NGÀY TA	NGÀY TÂY
Hội vật (Hoàng-Mai)	4 tháng Giêng	D. 2 Février
Giỗ Trận chùa Đồng-Quang (Thái-Hà-Âp)	5 tháng giêng	L. 3 Février
Hội đèn Sóc (Xuân-Tảo) . .	6 tháng giêng	M. 4 Février
Hội đèn Sĩ Vương (Phủ Tnuận - thành)	7 tháng giêng	Mr. 5 Février
Hội chợ Thầu (Phủ-Giấy)	8 tháng giêng	J. 6 Février
Hội chùa vua Đê-Thích (Bách-Mai)	9 tháng giêng	V. 7 Février
Hội Kỳ-Sâm (Cao-Băng) . .	10 tháng giêng	S. 8 Février
Hội làng LIM (Bắc-Ninh) .		
» chùa Kinh-chủ (làng Đường-Nham)	13 tháng giêng	M. 11 Février
» đòt pháo ở Kỳ-Lửa (Lạng-Sơn)	24 tháng giêng	S. 22 Février
» đền Hai Bà Trưng (Đồng-Nhân)	5 tháng hai	M. 4 Mars
» đền Lộ (Thanh-Trì) . .	6 tháng hai	Mr. 5 Mars
» đền Voi Phục (Cầu Giấy)	10 tháng hai	D. 9 Mars
» chùa Bà Bầu (Thanh- Liêm-Hanam)	18 tháng hai	L. 17 Mars
« đền Toán-Tranh (Ninh- Giang)	25 tháng hai	L. 24 Mars
» đền Sùng-Sơn (Thanh- Hóa)	26 tháng hai	M. 25 Mars

CÁC NƠI HỘI	NGÀY TA	NGÀY TÂY
Hội đèn Phô-Cát Thanh-Hóa)	3 tháng ba	M. 1 Avril
» động Thiên-Tôn (Làng Đà-Gia) huyện Gia-Khánh	4 tháng ba	Mr. 2 Avril
» Làng.		
» Chùa Thầy (Quốc-Oai). .		
» Kéo chữ (Phù-Giấy) . . .	7 tháng ba	S. 5 Avril
» Bơi làng Đăm (Tây-Tự Hà-Đông)	9 tháng ba	L. 7 Avril
» đèn Hùng-Vương (Phù-Thọ) ,		
» Đồng-Phù(huyện Mỹ-Lộc)	10 tháng ba	M. 8 Avril
» đức Thánh Gióng (Phù-Đổng Bắc-Ninh)	8 tháng tư	M. 6 Mai
»Bản-Yên-Nhân) Hưng-Yên	11 tháng tư	V. 9 Mai
» Đèn Chèm (Hà-Đông). .	15 tháng năm	Mr 11 Juin
» trọi Trâu (Đỗ-Sơn). . .	10 tháng tám	Mr 1 Octobre
» đèn Ghênh (Bắc-Ninh). .	12 tháng tám	V. 3 Octobre
» đèn Phù-Ứng (Hưng-Yên)	13 tháng tám	S. 4 Octobre
» đèn Kiếp Bạc.		
» Bảo-lộc (Nam-Định). . .	20 tháng tám	S. 11 Octobre
» chùa keo (Huyện Vũ-Tiên).	13 tháng chín	L. 3 Nov.

Nhũn tuối xet mang :

	Nam :	Nữ :
lên	La-Hầu	Kê-Đô
"	Thổ-Tú	Hỏa-Tinh
"	Thủy-Diệu	Mộc-Đức
"	Thái-Bạch	Thái-Âm
"	Thái-Dương	Thổ-Tú
"	Hỏa-Tinh	La-Hầu
"	Kê-Đô	Thái-Dương
"	Thái-Âm	Thái-Bạch
"	Mộc-Đức	Thủy-Diệu

Sao Thái-Dương, nam tốt, nữ sâu. Mỗi tháng cứ ngày 27 thì dùng giấy vàng làm bài vị, đề rằng: Nhật cung Thái-dương thiên tử tinh quân (日宮太陽天子星君) Đĩa đèn thắp 12 ngọn, vàng mũ nhang hoa lễ về phương chính Đông.

Sao Thái-Âm, nam tốt, nữ bình thường phòng ốm đau, Mỗi tháng cứ ngày 26 dùng giấy vàng làm bài vị, đề rằng: Nguyệt cung Thái-Âm hoàng hậu tinh quân. (月宮太陰皇后星君) Đĩa đèn thắp 7 ngọn, vàng mũ nhang hoa, lễ về phương chính Tây.

Sao Hỏa-tinh, nam nữ đều sâu. Mỗi tháng cứ ngày 29 lấy giấy đỏ làm bài vị, đề rằng: Nam phương bính đinh Hỏa-Đức tinh quân (南方丙丁火德星君) Đĩa đèn thắp 15 ngọn, vàng mũ nhang hoa, lễ về phương chính Nam.

Sao Mộc-Đức, nam nữ bình thường, phòng tật bệnh. Mỗi tháng cứ ngày 25 lấy giấy xanh làm bài vị, đề rằng: Đông phương giáp ất Mộc-Đức tinh quân. (東方甲乙木德星君) Đĩa đèn thắp 20 ngọn, vàng mũ nhang hoa, lễ về phương chính Đông.

Sao Thổ-Tú, nam nữ đều sâu, phòng quan sự. Mỗi tháng cứ ngày 19 lấy giấy vàng làm bài vị đề rằng: Trung-ương mậu-kỷ Thổ-Đức tinh-quân (中央戊己土德星君) Đĩa đèn thắp 5 ngọn, vàng mũ nhang hoa, lễ về phương chính Tây.

Sao Thái Bạch, nam nữ đều sâu, phòng ôm nặng (Nếu là quý-nhân thì sao này lại hay lắm). Mỗi tháng cứ ngày

15 lây giấy trắng làm bài vị, đề rằng : Tây phương canh tân Kim-Đức tinh quân. (西方庚辛金德星君) Đĩa đèn thắp 8 ngọn, vàng mũ nhang hoa, lễ về phương chính Tây.

Sao Thủy-Điệu, nam tốt, nữ bình thường phòng khẩu thiệt. Mỗi tháng cứ ngày 21 lây giấy đen làm bài vị, (chữ trắng) đề rằng : Bắc phương nhâm quý Thủy-Đức tinh quân (北方壬癸水德星君) Đĩa đèn 7 ngọn, vàng mũ nhang hoa, lễ về phương chính Bắc.

Sao La-Hầu, nam nữ đều sâu. Mỗi tháng cứ ngày mồng 8 lây giấy vàng làm bài vị, đề rằng : Thiên cung thần Thủ La-Hầu tinh quân (天宮神首羅睺星君) Đĩa đèn 9 ngọn, vàng mũ nhang hoa, lễ về phương chính Bắc.

Sao Kê-Đô, nữ sâu lắm, nam sâu vừa. (Nếu là đại-nhân thì sao này lại không hay). Mỗi tháng cứ ngày 18 lây giấy vàng làm bài vị, đề rằng : Thiên tinh cung phận Kê-Đô tinh quân. (天星宮分計都星君) Đĩa đèn thắp 20 ngọn, vàng mũ nhang hoa, lễ về phương chính Tây.

(Trích lục sách Ngọc-Hạp.)

NĂM NAY TUỔI GÌ?

10 chữ Can										12 chữ Chi
Canh	1	13	25	37	49	61	73	85	97	Ngọ
Kỷ	2	14	26	38	50	62	74	86	98	Tỵ
Mậu	3	15	27	39	51	63	75	87	99	Thìn
Đinh	4	16	28	40	52	64	76	88	100	Mão
Bính	5	17	29	41	53	65	77	89	101	Dần
Ât	6	18	30	42	54	66	78	90	102	Sửu
Giáp	7	19	31	43	55	67	79	91	103	Tý
Quý	8	20	32	44	56	68	80	92	104	Hợi
Nhâm	9	21	33	45	57	69	81	93	105	Tuất
Tân	10	22	34	46	58	70	82	94	106	Dậu
	11	23	35	47	59	71	83	95	107	Thân
	12	24	36	48	60	72	84	96	108	Mùi

Cứ chín số cùng một tuổi: Như là từ lên 1 tính ngang cho đến 97 là tuổi ngọ. Từ lên 2 tính ngang cho đến 98 là tuổi Tỵ; các dòng kia cũng xem ngang như vậy. Đó là mới biết chữ Chi ở cuối; lại muốn cho đích chữ Can ở đầu là gì, thì cứ nhận số lẻ: Như lẻ 1 Canh, 2 Kỷ, 3 Mậu, 4 Đinh, 5 Bính, 6 Ất, 7 Giáp, 8 Quý, 9 Nhâm, 10

Tân, (Nghĩa là số 0 cuối, là chẵn chục.)

Thí dụ : 13 là tuổi Ngọ, lẻ 3 là Mậu, thì là Mậu-Ngọ 14 là tuổi Ty, lẻ 4 là Đinh, thì là Đinh-Ty, 66 là tuổi Sửu, lẻ 6 là At, thì là At-Sửu.

Lại những tuổi chẵn chục là : lên 10, 20, 30, v.v. thì chữ Tân đứng đầu.

MỸ THUẬT TRONG KHUÊ CÁC

(TRÍCH LỤC Ở SÁCH ĐÁ-NĂNG-TẬP)

1° Màu lê trắng diêm

Lấy phân đánh mặt 10 lạng, Mật - sà - Táng, Bạch-đàn mỗi thứ 2 lạng, Khinh - phân, Văn Cáp-phân mỗi thứ 5 lạng, năm vị này nghiền nhỏ mịn, cho 1 đồng cân Sạ-Hương vào chọn rõ đều. Mỗi hôm lấy ít một, nhào với lòng trắng trứng Gà mà đánh thay phân mặt, làm như vậy thì mặt trắng nõn tựa màu hoa Lê, mà lại thơm dị đẹp thường. (Phương này trư thí nghiệm).

2° Thuốc nẻ

Thường khi mùa rét bị nẻ môi hay nẻ mặt, không những đau xót khó chịu, mà lại mất cả vẻ thiên nhiên. Muốn trị cách đó, lấy vị Đào-nhân nghiền nhỏ, nấu với mỡ lợn để nguội bôi rất thần hiệu, nhứt là nẻ miệng vài máu cũng khỏi.

3° Mày thua nước tóc

Lẽ đẹp tự nhiên của phụ nữ thì người nước nào cũng đề tóc giải, và Ta lại có câu « tốt tóc được góc con người ». Vậy ai muốn cho tóc chóng giải thì lấy rễ Táo mọc về đằng Đông (nghĩa là cái rễ bò về phương Đông) chặt ra từng đoạn, để gác ngang lên hỏa lò than nóng, hay là gác lên nơi chỗ đun nóng, làm cho rễ Táo bị nóng 2 đầu chảy nước ra, hứng lấy bôi vào tóc thì chóng giải.

TÀI VẬT

TRÍCH LỤC: GIÀ - ĐÌNH - NHẬT - DỤNG

1° Thắp đèn dầu Hỏa

Thời đại văn minh này; duy chỉ nơi hương thôn nào cách xa tỉnh lỵ thì mới chịu thắp đèn dầu Hỏa. Nhưng mà đèn ấy vào thời nay thực là thua sáng nhiều lắm.

Mà thắp đèn Đất, đèn Manchons ở nhà quê thì vừa không tiện vừa ngại nguy hiểm.

Tôi xin mách một kê này: Lấy ít Long-Não cho vào bầu dầu Hỏa mà thắp thì khắc là ánh sáng bội phần!

2° Dùng ngòi bút sắt

Các cậu học-sinh ngày nay dùng bút sắt muốn cho chậm rỉ, thì làm cách này: Lấy mây ngòi bút cũ ngâm vào lọ mực, khiến cho ngòi bút mới không bị rỉ nữa. Vì chất chua trong nước mực nó đã ăn rỉ những ngòi ngâm đó hết sức rồi.

3° Phạng gỗ đựng cơm

Thứ nhất nhà chùa hay dùng Phạng gỗ đựng cơm, vậy nên chú ý: Phạng ấy khi mới làm xong vẫn còn mùi gỗ, mà muốn chề cho sạch mùi ấy để đựng ngay, thì lấy Kiểu-mạch-phân (bột lúa Mạch) cho vào ngâm với nước sôi, lấy tay khuấy nước lên mà cọ khắp trong lòng cái Phạng, hai, ba lần thay nước, thay bột làm như vậy. Chừng một ngày một đêm là sạch hết mùi gỗ mới.

4° Đi giày thũ

Bàn chân người ta, lúc nở lúc sút, sớm tối thật thường, duy chỉ cơm song là đúng mực. Thũ Giày, mà đi vào lúc bấy giờ thì sau này không còn chề chặt chề rộng gì nữa.

5° Nước pha trà

Thường pha trà bằng nước máy thì trà vẫn và mất hương, điều đó nhiều người biết.

(Nước sông nước hồ, là thứ nước chắt mềm, ăn rất lợi. Nước hang đá, nước suối là thứ nước chắt cứng, uống có hại, thì không mấy người biết.)

Cũng nhiều người sành uống chè, dùng nước mưa lọc kỹ pha chè uống ngon... Nhưng mà không bằng cách này: Nước mưa, hay là nước hồ nước sông, thứ nào cũng được, chứa vào Chum Vại, để ngoài sân lộ thiên, chề đây kỹ đừng cho ánh nắng, và bụi bặm vào. Hôm nào trời quang đãng có trăng sao, thì mở ra phơi sương và hứng bóng trăng. Phơi sương độ rằm thì

nước lảng cặn xương, ta vơi sang chum nhỏ hoặc chöße sứ phong đậy cho kín để đánh pha chả uông, chẳng kém gì nước suối Huệ-toàn vậy.

TÍNH GIỜ KIM-SÀ, THIẾT TỎA.

Phép tính : Năm tý bắt đầu từ cung Tuất tính thuận đi, cho đến năm sinh. Lùi lại một cung bắt đầu tính giêng, hai, tính ngịch đi cho đến tháng đẻ. Lại lùi lại một cung, bắt đầu mông một, mông hai, tính thuận đi cho đến ngày đẻ. Lại lùi một cung bắt đầu tý, Sửu, dần, Mão, tính ngịch đi cho đến giờ sinh. Hễ giờ sinh chạm phải cung Thìn, cung Tuất, cung Sửu, cung Mùi là giờ **Kim-sà Thiết-tỏa** thì quật-quẹo khó nuôi. Nếu trạm giờ mà mệnh lại lập tại cung ấy thì không nuôi được,
Trích trong sách Tử-Vy-Đầu-số.

TÍNH GIỜ NHẬP-MỘ

Phép tính : Liên ông bắt đầu cung Dần tính thuận đi, Mão Thìn v.v. Liên bà từ cung Thân tính nghịch lại, Mùi, Ngọ, Ty, Thìn v. v. Tính năm rồi đến tháng đến giờ, hễ năm hoặc tháng hoặc giờ, chạm phải cung Tý, Ngọ, Mão, Dậu là Thiên-ri, (rữ vừa) chạm phải cung Dần, Thân, Ty, Hợi là Trùng-tang (rữ lắm) Vào cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, là Nhập-mộ (Tốt). Tháng hoặc : Tuổi chết chạm phải cung Dần, Thân, Ty, Hợi, thì là Niên-tang ! Tháng chết chạm 4 cung ấy là Nguyệt-tang ! Ngày chết, Giờ chết, chạm 4 cung ấy là Nhật-tang ! là thời tang !

MẪU TÍNH VÀO BÀN TAY:

BÀN TAY TRÁI	4 mươi mồng một	5 mươi mồng hai	6 mươi mồng ba 未	7 mươi mồng bốn
	3 mươi tháng ba 辰	Chín mươi ba tuổi vào cung sừu. Tháng ba vào cung Thìn. Mồng sáu vào cung tuất. Giờ dần vào cung sừu.		8 mươi nông năm
	2 mươi tháng hai			9 mươi mồng sáu 戌
	1 mươi tháng giêng	93 giờ dần 丑	92 giờ sừu	91 giờ tý

Mẫu tính trên này: Một ông cụ chín-mười-ba tuổi, chết ngày mồng 6 tháng ba giờ Dần; được cả bốn cái nhập-mộ. Giải cho rõ thêm: một-mươi bắt đầu tự dần, cho đến chín-mươi vào cung tuất, 91 cung hợi, 92 cung tý, 93 cung sừu. Tháng tiếp luôn tuổi, giêng, hai, ba, vào cung thìn. Ngày tiếp luôn tháng, mồng một cho đến mồng sáu vào cung tuất. Giờ tiếp luôn ngày, tý, sừu, dần vào cung sừu.

Trích lục theo sách Thiên-Cầu-Kinh.

Lịch « XEM-LẤY-MAY »

Không kiêng đêm

Xưa nay ta vẫn tòng cổ kiêng không dám mở lịch Tàu xem đêm, là ý kiêng gì? Có phải **lịch**; nó có cái Ma-lực gì khiến cho ta ghê sợ đâu! Chẳng qua các cụ giữ nhẽ như thề này: Phạm việc đã phải làm đêm là việc bất kỳ; là việc hệ trọng! Bởi vậy ta xem lịch đêm, e nữa là điếm bất kỳ kia khác. . . . Cũng có quyển lịch Tàu, ngoài gáy in 4 chữ đỏ « 夜看無忌 » Gia-Khán-Vô-Kỵ! Thì bà-con mình coi hình như quyển lịch đó có thể xem đêm được.

Song lịch in bằng Hán-tự ta đã tập quen không kè; còn như lịch **Xem lấy may** này: Cứ ba chữ tên lịch, thì ở lúc nào cũng hay, vào người nào cũng hay. . . . Nào là xuất hành lấy may, khai trương lấy may; Ngày có thể xem được, thì **đêm** xem cũng may; Vô sự xem chẳng sao thì hữu sự xem cũng may.

Vả chẳng văn-chương lịch đã cải lương, thì ý-tưởng lịch cũng cải lương. Lịch **Xem Lấy May** là một quyển lịch có học-thuật; mà lại viết bằng ngòi bút sắt, thì chẳng có ma-đêm nào dám bắt nạt cả.

XEM-NGÀY

Những ngày tốt (nên cần kén giờ).

Nên chú ý : Những giờ tốt, giờ nào có dấu phẩy-châm (!) ở bên là giờ Quý-nhân.

Tháng giêng (Thiều)

Ngày 2 Tân-Ty, hành Kim, sao Lâu, trực Định.

Giờ tốt : Sửu, dần, thìn, ty, ngọ ! mùi, thân, tuất, hợi.

Ngày 3 Nhâm-Ngọ, hành Mộc, sao Vỹ, trực Chập.

Giờ tốt : Sửu ! mao ! thìn, ty, ngọ, mùi, dậu, hợi.

Ngày 7 Bính-Tuất, hành Thổ, sao Sâm, trực Thành.

Giờ tốt : Tý ! dần, mao, ty, thân, dậu ! tuất, hợi !

Ngày 12 Tân-Mao, hành Mộc, sao Trương, trực Trừ.

Giờ tốt : Tý, dần ! mao, ty, ngọ ! mùi, tuất.

Ngày 15 Giáp-Ngọ, hành Kim, sao Dộc, trực Định.

Giờ tốt : Tý, Sửu ! dần ! mao, mùi ! thân, dậu.

Ngày 18 Đinh-Dậu, hành Hỏa, sao Phòng, trực Nguy.

Giờ tốt : Tý, dần, thìn, ngọ, mùi, dậu ! hợi !

Ngày 21 Canh-Tý, hành Thổ, sao Cơ, trực Khai.

Giờ tốt : Tý, Sửu ! mao, ngọ, mùi, thân, dậu.

Ngày 27 Bính-Ngọ, hành Thủy, sao Thất, trực Định.

Giờ tốt : Tý, Sửu, mao, ngọ, mùi, thân, dậu ! tuất, hợi.

Ngày 28 Đinh-Mùi, hành Thủy, sao Bích, trực Chập.

Giờ tốt : dần, ty, ngọ, mùi, thân, dậu ! tuất, hợi !

Tháng hai (đủ).

Ngày 1 Kỷ-Dậu, hành Thổ, sao Lâu, trực Ngụy.

Giờ tốt: tý! dần! thìn, ngọ, mùi! thân, Dậu.

Ngày 2 Canh-Cuất, hành Kim, sao Vỹ, trực Thành.

Giờ tốt: Sửu? dần, mao, tỵ, ngọ, mùi, thân, Dậu, Hợi.

Ngày 4 Nhâm-Tý, hành Mộc, sao Tật, trực Khai.

Giờ tốt: tý, Sửu! mao, thìn! tỵ, ngọ, mùi, Dậu, Hợi.

Ngày 11 Kỷ-Mùi, hành Hỏa, sao Trương, trực Định.

Giờ tốt: Tý, dần! mao, tỵ, ngọ, mùi! thân, Tuất.

Ngày 14 Nhâm-Tuất, hành Thủy, sao Độc trực Ngụy.

Giờ tốt: Sửu, dần, thìn, tỵ, ngọ, mùi, Dậu.

Ngày 17 Ất-sửu, hành Kim, sao Phòng, trực Khai.

Giờ tốt: tý, Sửu, dần, mao, thân! Tuất, Hợi.

Ngày 20 Mậu-thìn, hành Mộc, sao Cơ trực Trừ.

Giờ tốt: Sửu, mao, thìn, tỵ, mùi, thân! Dậu.

Ngày 26 Giáp-Tuất, hành Hỏa, sao Thất trực Ngụy.

Giờ tốt: Sửu, dần! mao, tỵ, mùi, thân, Dậu, Hợi.

Ngày 27 Ất-Hợi, hành Hỏa, sao Bích, trực Thành.

Giờ tốt: tý, Sửu! dần, mao, thìn, thân, Tuất, Hợi.

Ngày 29 Đinh-Sửu, hành Thủy, sao Lâu, trực Khai.

Giờ tốt: tý, Sửu, dần, tỵ, ngọ, thân, Dậu, Tuất, Hợi!

Ngày 30 Mậu-Dần, hành Thổ, sao Vỹ, trực Bê.

(Đáng lẽ ngày sáu vì trực Bê. Nhưng được có sao Thiên-Sá hóa ra ngày tốt.)

Giờ tốt: Sửu thiên-ất-quý-nhân, mao thiên-quan-quý-nhân, thìn hỷ-thân kim-quý, mùi thiên-ất-quý-nhân.

Tháng ba (đủ)

Ngày 2 Canh-thìn, hành Kim, sao Tật, trực Trừ.

Giờ tốt : sừu, dân, thìn, ty, ngọ ! mùi, thân, hợi.

Ngày 5 Quý-mùi, hành Mộc, sao Tinh, trực Định.

Giờ tốt : dân, mao ! thìn, ty ! ngọ, thân, tuất, hợi.

Ngày 9 Đinh-Hợi, hành Thổ, sao Trương, trực Nguy.

Giờ tốt : sừu, thìn, ngọ, mùi, dậu ! tuất, hợi.

Ngày 12 Canh-Dân, hành Mộc, sao Dộc, trực Khai.

Giờ tốt : sừu ! dân, thìn ngọ, mùi, thân, tuất, hợi.

Ngày 15 Quý-Ty, hành Thủy, sao Phòng, trực Trừ.

Giờ tốt : mao ! thìn, ty ! ngọ, tuất, hợi.

Ngày 18 Bính-Thân, hành Hỏa, sao Cơ, trực Định.

Giờ tốt : tý ! sừu, ty, mùi, thân, dậu, tuất ! hợi.

Ngày 19 Đinh-Dậu, hành Hỏa, sao Đẩu, trực Chập.

Giờ tốt : tý, dân, thìn, ngọ, mùi, dậu ! hợi !

Ngày 24 Nhâm-Dân, hành Kim, sao Thất, trực Khai.

Giờ tốt : tý, sừu ! dân, mao, thìn, ty, mùi ! tuất, hợi.

Ngày 27 Ất-Ty, hành Hỏa, sao Lâu, trực Trừ.

Giờ tốt : tý, sừu ! mao, thìn, ngọ, mùi, thân, tuất, hợi.

Ngày 30 Mậu-Thân, hành Thổ, sao Tật, trực Định.

Giờ tốt : tý, sừu, mao, thìn, ty, mùi ! thân, tuất.

Tháng Tư (thiếu)

Ngày 3 Tân-Hợi, hành Kim, sao Tinh, trực Nguy.

Giờ tốt : sừu, dân, thìn, ty, ngọ ! mùi, thân, tuất, hợi.

Ngày 10 Mậu-Ngọ, hành Hỏa, sao Dộc, trực Trừ.

Giờ tốt : tý, sừu, mao ! thìn, ty, ngọ, mùi, thân ! dậu.

Ngày 13 Tân-Dậu, hành Mộc, sao Phòng, trực Định.

Giờ tốt: tý, dần ! tỵ, ngọ, mùi, dậu, hợi.

Ngày 16 Giáp-Tý, hành Kim, sao Cơ, trực Trừ.

Giờ tốt: tý, Sửu ! dần ! mao, mùi, dậu.

Ngày 17 Ất-Sửu, hành Kim, sao Đẩu, trực Thành.

Giờ tốt: tý, Sửu, dần, mao, thân ! tuất, hợi,

Ngày 22 Canh-Ngọ, hành Thổ, sao Thất trực Trừ.

Giờ tốt: Sửu, Dần, mao, ngọ ! mùi, thân, Dậu.

Ngày 25 Quý-Dậu, hành Kim, sao Lâu, trực Định.

Giờ tốt: tý, dần, mao ! thìn ! tỵ, ngọ, dậu, tuất

Ngày 26 Giáp-Tuất, hành Hỏa, sao Vỹ, trực Chấp.

Giờ tốt: Sửu, dần ! mao, tỵ, mùi, thân, dậu, hợi.

Ngày 28 Bính-Tý, hành Thủy, sao Tất, trực Nguy.

Giờ tốt: tý ! Sửu, mao, ngọ, thân, dậu tuất, hợi.

Tháng Năm (thiều)

Ngày 2 Kỷ-Mao, hành Thổ, sao Tinh, trực Khai.

Giờ tốt: tý, dần ! mao, tỵ, ngọ, mùi ! thân, tuất.

Ngày 8 Ất-Dậu, hành Thủy, sao Chẩn, trực Định.

Giờ tốt: tý ! Sửu, dần, mao, thìn, ngọ, thân ! dậu, hợi.

Ngày 9 Bính-Tuất, hành Thổ, sao Dộc, trực Chấp.

Giờ tốt: tý ! dần, mao, tỵ, thân, dậu ! tuất, hợi.

Ngày 12 Kỷ-Sửu, hành Hỏa, sao Phòng, trực Nguy.

Giờ tốt: tý, dần ! mao, tỵ, ngọ, mùi, thân, tuất.

Ngày 15 Nhâm-Thìn, hành Thủy, sao Cơ, trực Khai.

Giờ tốt: Sửu, dần, mao, thìn, tỵ ! ngọ mùi, dậu, hợi.

Ngày 21 Mậu-Tuất, hành Mộc, sao Thất, trực Định.

Giờ tốt: sừu, mao, thìn, tỵ, mùi, thân! dậu, hợi.

Ngày 22 Kỷ-Hợi, hành Mộc, sao Bích, trực Chập.

Giờ tốt: tỵ, dần, thìn, ngọ, mùi! thân, tuất.

Ngày 24 Tân-sửu, hành Thổ, sao Lâu, trực Nguy.

Giờ tốt: tỵ, dần! mao, tỵ, ngọ, thân, hợi.

Ngày 27 Giáp-Thìn, hành Hỏa, sao Tân, trực Khai.

giờ tốt: sừu, dần, thìn, tỵ, mùi, thân, dậu, hợi.

Tháng Sáu (đủ)

Ngày 1 Đinh-Mùi, hành Thủy, sao Tinh, trực Trừ.

Giờ tốt: dần, tỵ, ngọ, mùi, thân, dậu! tuất, hợi!

Ngày 5 Tân-Hợi, hành Kim, sao Trương, trực Chập.

Giờ tốt: sừu, dần, tỵ, ngọ! mùi, thân, tuất, hợi.

Ngày 7 Quý-Sửu, hành Mộc, sao Chấn, trực Nguy.

Giờ tốt: tỵ, dần, mao! thìn, tỵ! thân, tuất, hợi.

Ngày 8 Giáp-Dần, hành Thủy, sao Độc, trực Thành.

Giờ tốt: tỵ, sừu, dần! thìn, mùi! dậu, tuất hợi.

Ngày 14 Canh-Thân, hành-Mộc, sao Cơ, trực Trừ.

Giờ tốt: sừu, thìn, tỵ, ngọ, mùi, thân, tuất.

Ngày 20 Bính-Dần, hành Hỏa, sao Thất trực Nguy.

Giờ tốt: tỵ! sừu, dần, tỵ, mùi, dậu, tuất, hợi.

Ngày 21 Đinh Mão, hành Hỏa, sao Bích, trực Thành.

Giờ tốt: tỵ, tỵ, ngọ, mùi dậu! tuất, hợi.

Ngày 23. Kỷ-Tỵ, hành Mộc, sao Lâu, trực Khai.

Giờ tốt: tỵ, dần, thìn, tỵ, ngọ, mùi! thân, tuất,

Ngày 26 Nhâm-Thân, hành Kim, sao Tật, trực Trừ.

Giờ tốt: tý, Sửu! Mão, Thìn! tý! Ngọ, Mùi! Tuất.

Ngày 29 Ất-Hợi, hành Hỏa, sao Tỉnh, trực Định.

Giờ tốt: tý Sửu! Dần, Mão, Thìn, Thân, Tuất, Hợi.

Tháng 6 nhuận (thiều)

Ngày 3 Kỷ-Mão, hành Thổ, sao Trương, trực Thành

Giờ tốt: tý, Dần! Mão, tý, Ngọ, Mùi! Thân, Tuất.

Ngày 5 Tân-Tý, hành Kỷ, sao Chấn, trực Khai.

Giờ tốt: Sửu, Dần, Thìn, tý, Ngọ! Mùi, Thân, Tuất, Hợi.

Ngày 11 Đinh-Hợi, hành Thổ, sao Vỹ, trực Định.

Giờ tốt: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Dậu! Tuất, Hợi.

Ngày 12 Mậu-Tý, hành Hỏa, sao Cơ, trực Chập.

Giờ tốt: tý, Sửu, Mão, Thìn, tý, Mùi, Thân! Dậu.

Ngày 18 Giáp-Ngọ, hành Kim, sao Thất, trực Khai.

Giờ tốt: tý, Sửu, Dần! Mão, Mùi, Thân, Dậu.

(có sao Thiên-Sá; tốt.)

Ngày 21 Đinh-Dậu, hành Hỏa, sao Lâu, trực Trừ.

Giờ tốt: tý, Dần, Thìn, Ngọ, Mùi, Dậu, Hợi.

Ngày 24 Canh-Tý, hành Thổ, sao Tật, trực Định.

Giờ tốt: tý, Sửu! Mão, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu.

Tháng Bảy (thiều)

Ngày 3 Mậu-Thân, hành Thổ, sao Dực, trực Kiên.

Giờ tốt: giờ Thìn Hỷ-thần, Tý Nhật-Lộc, Mùi Thiên-
At-quý-nhân, Thân Phúc-tinh-quý-nhân.

(Được sao Thiên-Sá; ngày sâu hóa tốt.)

Ngày 4 Kỷ-Dậu, hành Thổ, sao Chấn, trực Trừ.

Giờ tốt : tý ! dần, thìn, ngọ, mùi ! thân, Dậu.

Ngày 8 Quý-Sửu, hành Mộc, sao Phòng, trực Chập.

Giờ tốt : tý, dần, mao, thìn, tỵ ! thân tuất, Hợi.

Ngày 10 Ất-Mão, hành Thủy, sao Vỹ, trực Nguy.

Giờ tốt : tý, sửu, dần, mao, ngọ, mùi, thân, tuất Hợi.

Ngày 11 Bính-thìn, hành Thổ, sao Cơ trực Thành.

Giờ tốt : tý, dần, tỵ, thân, Dậu ! tuất, Hợi.

Ngày 17 Nhâm-Tuất, hành Thủy, sao Thất trực Trừ.

Giờ tốt : sửu, dần, mao, thìn, tỵ ! ngọ, mùi, Dậu, Hợi.

Ngày 20 Ất-Sửu, hành Kim, sao Lâu, trực Định.

Giờ tốt : tý, sửu, dần, mao, thân ! tuất, Hợi.

Ngày 21 Bính-Dần, hành Hỏa, sao Vỹ, trực Chập.

Giờ tốt : tý ! sửu, dần, tỵ, mùi, Dậu, tuất, Hợi.

Ngày 23 Mậu-Thìn, hành Mộc, sao Tất, trực Nguy.

Giờ tốt : sửu, mao, thìn, tỵ, mùi, thân ! Dậu.

Ngày 26 Tân-Mùi, hành Thổ, sao Tinh, trực Khai.

Giờ tốt : dần ! mao, tỵ ! ngọ, mùi, thân, tuất, Hợi.

Tháng Tám (đủ)

Ngày 3 Đinh-Sửu, hành Thủy, sao Chấn, trực Định.

Giờ tốt : tý, sửu, dần, tỵ, ngọ, thân, Dậu, tuất, Hợi !

Ngày 4 Mậu-Dần, hành Thổ, sao Đốc, trực Chấn.

Giờ tốt : sửu, mao, thìn, tỵ, mùi ! thân, tuất, Hợi.

Ngày 7 Tân-Tỵ, hành Kim, sao Phòng, trực Thành.

Giờ tốt : sửu, dần, thìn, tỵ, ngọ ! mùi, thân, tuất, Hợi.

Ngày 9 Quý-Mùi, hành Mộc, sao Vỹ, trực Khai.

Giờ tốt : dân, mao ! thìn, tỵ ! ngọ, thân, tuất ! hợi.

Ngày 16 Canh-Dần, hành Mộc, sao Thất, trực Chập.

Giờ tốt : sửu, dân, thìn, ngọ, mùi, thân, tuất, hợi.

Ngày 19 Quý-Tỵ, hành Thủy, sao Lâu, trực Nguy.

Giờ tốt : tỵ, mao ! thìn ! tỵ, ngọ, thân, tuất, hợi.

Ngày 20 Giáp-Ngọ, hành Kim, sao Vỹ, trực Thành.

Giờ tốt : tỵ, sửu, dân ! mao, mùi, thân, dậu.

Ngày 22 Bính-Thân, hành Hỏa, sao Tân, trực Khai.

Giờ tốt : tỵ ! sửu, tỵ, mùi, thân, dậu, tuất ! hợi.

Ngày 25 Kỷ-Hợi, hành Mộc, sao Lữ, trực Trừ.

Giờ tốt : tỵ, dân ! thìn, ngọ, mùi ! thân, tuất.

Ngày 29 Quý-Mão, hành Kim, sao Trương, trực Chập.

Giờ tốt : tỵ, dân, mao ! thìn, tỵ, ngọ, tuất.

Tháng chín (thiều)

Ngày 1 Ất-Tỵ, hành Hỏa, sao Chẩn, trực Nguy.

Giờ tốt : tỵ, sửu ! mao, thìn, ngọ, mùi, thân, tuất, hợi.

Ngày 2 Bính-Ngọ, hành Thủy, sao Độc, trực Thành.

Giờ tốt : tỵ, sửu, mao, ngọ, mùi, thân, dậu ! tuất, hợi.

Ngày 4 Mậu-Thân, hành Thổ, sao Chi, trực Khai.

(Chinh ngày sáu, gặp sao Thiên-Sá, hóa tốt).

Giờ tốt : mùi thiên-ất quý nhân, thân phúc-tinh
quý nhân.

Ngày 7 Tân-Hợi, hành Kim, sao Vỹ, trực Trừ.

Giờ tốt : sửu, dân, thìn, tỵ, ngọ ! mùi, thân, tuất hợi.

Ngày 14 Mậu-Ngọ, hành Hỏa, sao Thất, trực Thành.

Giờ tốt : tý, Sửu, Mão ! Thìn, tý, Ngọ, Mùi, Thân ! Dậu.

Ngày 20 Giáp-Tý, hành Kim, sao Thất, trực Trừ.

Giờ tốt : tý, Sửu ! Dần ! Mão, Mùi, Dậu.

Ngày 23 Đinh-Mão, hành Hỏa, sao Tỉnh, trực Định.

Giờ tốt : tý, tý, Ngọ, Mùi, Dậu ! Tuất, Hợi.

Ngày 27 Tân-Mùi, hành Thổ, sao Trương, trực Thành.

Giờ tốt : dần ! Mão, tý ! Ngọ, Mùi, Thân, Tuất, Hợi.

Ngày 29 Quý-Dậu, hành Kim, sao Chẩn, trực Khai.

Giờ tốt : tý, dần, Mão ! Thìn, tý, Ngọ, Dậu, Tuất.

Tháng mười (đủ)

Ngày 6 Kỷ-Mão, hành Thổ, sao Vũ, trực Định.

Giờ tốt : tý, dần ! Mão, tý, Ngọ, Mùi ! Thân, Tuất.

Ngày 7 Canh-Thìn, hành Kim, sao Cơ, trực Chấp.

Giờ tốt : Sửu, dần, Thìn, tý, Ngọ, Mùi, Thân, Hợi.

Ngày 19 Nhâm-Thìn, hành Thủy, sao Thất, trực Định.

Giờ tốt : Sửu, dần, Mão, Thìn ! tý, Ngọ, Mùi, Dậu, Hợi .

Ngày 22 Ất-Mùi, hành Kim, sao Tỉnh, trực Nguy.

Giờ tốt : tý, Sửu, dần, Mão, tý, Thân ! Dậu, Hợi !

Ngày 28 Tân-Sửu, hành Thổ, sao Chẩn, trực Trừ.

Giờ tốt : tý, Sửu dần ! Mão, tý, Ngọ, Thân, Hợi.

Tháng Một (đủ)

Ngày 4 Đinh-Mùi, hành Thủy, sao Vũ, trực Nguy.

Giờ tốt : dần, tý, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi !

Ngày 5 Mậu-Thân, hành Thổ, sao Cơ, trực Thành.

Giờ tốt : tý, Sửu, Mão, Thìn, tỵ, mùi ! thân ! tuất.

Ngày 14 Đinh-Tỵ, hành Thổ, sao Lâu, trực Chập.

Giờ tốt : Sửu, Thìn, tỵ, ngọ, mùi, thân, Dậu ! tuất, Hợi.

Ngày 17 Canh-Thân, hành Mộc, sao Tất, trực Thành.

Giờ tốt : Sửu, Thìn, tỵ, ngọ, mùi ! thân, tuất.

Ngày 20 Quý-Hợi, hành Thủy, sao Tỉnh, trực Khai.

Giờ tốt : tý, dần, Mão, Thìn ! tỵ ! ngọ, tuất, Hợi.

Ngày 26 Kỷ-Tỵ, hành Mộc, sao Chấn, trực Định.

Giờ tốt : tý, dần, Thìn, tỵ, ngọ, mùi ! thân, tuất.

Ngày 27 Canh-Ngọ, hành Thổ, sao Độc, trực Chập.

Giờ tốt : Sửu, dần, Mão, ngọ ! mùi, thân, Dậu.

Tháng Chạp (Thiên)

Ngày 2 Ất-Hợi, hành Hỏa, sao Vỹ, trực Khai.

Giờ tốt : tý, Sửu ! dần, Mão, Thìn, thân, tuất, Hợi !

Ngày 9 Nhâm-Ngọ, hành Mộc, sao Thất, trực Chập.

Giờ tốt : Sửu, Mão, Thìn, tỵ, ngọ, mùi ! Dậu, Hợi.

Ngày 12 Ất-Dậu, hành Thủy, sao Lâu, trực Thành.

Giờ tốt : tý ! Sửu, dần, Mão, Thìn, ngọ, thân ! Dậu, Hợi.

Ngày 18 Tân-Mão, hành Mộc, sao Tinh, trực Trừ.

Giờ tốt : tý, dần ! Mão, tỵ, ngọ, mùi, tuất.

Ngày 22 Ất-mùi, hành Kim, sao Trương, trực Chấn.

Giờ tốt : tý, Sửu, dần, Mão, tỵ, thân ! Dậu, Hợi !

Ngày 24 Đinh-Dậu, hành Hỏa, sao Chấn, trực Nguy.

Giờ tốt : tý, dần, Thìn, ngọ, mùi, Dậu, Hợi.

Ngày 25 Mậu-tuất, hành Mộc, sao Độc, trực Thành.

Giờ tốt : Sửu, Mão, Thìn, tỵ, mùi, thân ! Dậu, Hợi.

NHỮNG NGÀY TỐI KỶ

Ngày tứ-ly tứ-tuyệt (Năm Canh-Ngọ)

Ngày 5 tháng diêng, là ngày Tứ-tuyệt (ngày Giáp-Thân).

— 21 —	Hai	—	Tứ-ly	(—	Kỷ-Tỵ).
— 7 —	Tư	—	Tứ-tuyệt	(—	Ât-Mão).
— 25 —	Năm	—	Tứ-ly	(—	Nhâm-Dần).
— 13 —	Nhượn	—	Tứ-tuyệt	(—	Kỷ-Sửu).
— 2 —	Tám	—	Tứ-ly	(—	Bính-Tý).
— 17 —	Chín	—	Tứ-tuyệt	(—	Tân-Dậu).
— 2 —	Một	—	Tứ-ly	(—	At-Tỵ).
— 17 —	Chạp	—	Tứ-tuyệt	(—	Canh-Dần).

Theo như sách Khí-Hóa-Học, những ngày này là ngày Âm-tận, Dương-tận; là ngày sâu nhất. Cho nên lịch Tàu đề là « Chư sự bất nghi ! » Gặp những ngày ấy, ta nên kiêng những sự gì có quan - hệ đến môi sinh - hoạt người ta cho cẩn.

Ngày trùng nhật

Tháng nào cũng vậy, cứ ngày ty ngày hợi là ngày Trùng-Nhật, kiêng những việc mai táng việc trừ phục.

Ngày Phi-Ma-Sát :

Tháng Giêng	}	Cứ ngày Tý là ngày Ma-Sát.
« Năm		
« Chín		

Tháng Hai	}	Cứ ngày Ngọ là ngày Ma-Sát.	
» Sáu			
» Mười	}	» Mão » Ma-Sát.	
» Ba			
» Bảy	}	» Dậu » Ma-Sát.	
» Một			
» Tư	}	» Dậu » Ma-Sát.	
» Tám			
» Chạp			

Những ngày ấy kiêng việc giá thú (đón dâu dước rể).

Ngày Vãng-Vong

Những tháng :	Giêng,	Hai,	Ba,	Tư.
» ngày :	Dần,	Tỵ,	Thân,	Hợi.
» tháng :	Năm,	Sáu,	Bảy,	Tám.
» ngày :	Mão,	Ngọ,	Dậu,	Tý.
» tháng :	Chín,	Mười,	Một,	Chạp.
» ngày :	Thìn,	Mùi,	Tuất,	Sửu.

Viết như thế, nghĩa là tháng Giêng ngày Dần, tháng Năm ngày Mão, v. v. là ngày Vãng-Vong, kiêng xuất hành đi xa. Các tháng khác cũng chiêu thế mà xem, tháng trên ngày dưới là đúng.

Ngày Đào-châm-sát :

Xuân (Hợi Hạ (Dần Thu (Tỵ Đông (Thân
 (Tý (Mão (Ngọ (Dậu

Viết như thế nghĩa là mùa Xuân ngày Hợi ngày Tý là ngày Đào-châm-sát ; Kiêng những việc Mỗ-sẻ, sâu-lổ-tai, nặn nhọt vân vân. Ba mùa kia những ngày nào xem ra thì rõ.

Tôi có ý chích mấy thứ kiêng này, là những ngày tôi kỵ !
Cứ kể ra còn nhiều thứ lắm ; Như là các sao : Thiên-ương, Thiên-lại, Thiên-ôn, Thiên-ngục, Thiên-cầu, Thiên-địa-chính-chuyển, Thiên-địa-chuyển-sát, Thiên-tặc, Địa-tặc, Thiên-hỏa, Địa-hoa, Nguyệt-phá, Nguyệt-họa, Nguyệt-sát, Hoang-vô, Thụ-tử, Tử-Khí, Tứ-chính-phê, Bàng-chính-phê, Tiểu-hắc-sa, v.v. Kể viết ra cho hết bấy nhiêu trang giấy vị tất đã đủ. Nếu viết hết cả 91 vị sao-sâu ; giải rắc ra 365 ngày, làm thành quyển lịch thì cũng được. Song như vậy, hà tất cần phải học-thuật, cần có văn-chương có tư-tưởng làm gì ?

NÊN CHÚ Ý :

Những ngày sâu như là : Trùng-nhật, Phi-ma-sát, Vãng-vong, mà trong thiên này nói rằng : « ngày mây tháng mây » [Cần phải xem tiết-khí (xem thiên 12 tháng, 24 tiết-khí).

Ví thử như tháng Hai ngày Tý là ngày vãng-vong; song từ mồng 1 đến mồng 6 mà gặp ngày Vỵ nào cũng không phải là ngày Vãng-vong, vì chưa đến tiết Kinh-Chạp thì chưa kể là tiết tháng Hai. Độc-giả lấy đây suy ra những ngày Trùng-Nhật, ngày Ma-sát cũng vậy.

Tháng thì Kể theo Tiết-Khí, mùa thì cứ theo Thiên-vận, nghĩa là Giêng, Hai, Ba là mùa Xuân, tư, năm, sáu, là Hạ, Bảy, Tám, Chín, là Thu, Mười, Một, Chạp, là Đông.

MẪU TÍNH 12 GIỜ

12 CUNG VÀO BÀN TAY

	tỵ	ngọ	mùi	thân
BÀN TAY TRÁI	thìn			dậu
	mão			tuất
	dần	sửu	tý	hợi

Giờ tý: 11 giờ rưỡi đến 1 giờ rưỡi (đêm)

» sửu: 1 « 3 »

» dần: 3 « 5 »

Giờ mao : 5 giờ rưỡi đến 7 giờ rưỡi (sáng)

» thìn : 7	»	9	»
» ty : 9	»	11	»
» ngọ : 11	»	1	» (chưa)
» mùi : 1	»	3	»
» thân : 3	»	5	»
» dậu : 5	»	7	»
» tuất : 7	»	9	» (tối)
» hợi : 9	»	11	»

12 tháng 24 tiết-khí

Tháng Giêng (thiều) là tháng mậu-dần, mồng 1 canh-thìn.

Mồng 6 giờ tuất Lập-Xuân (bắt đầu sang tiết tháng Giêng) ngày 21 giờ thân vũ-thủy.

Tháng Hai (đủ) là tháng kỷ-mão, mồng 1 kỷ-dậu.

Mồng 7 giờ mùi kinh-chập (sang tiết tháng hai) ngày 22 giờ thân xuân-phân.

Tháng Ba (đủ) là tháng canh-thìn, mồng 1 kỷ-mão.

Mồng 7 giờ tuất Thanh-minh (sang tiết tháng ba) ngày 23 giờ dần cốc-vũ.

Tháng Tư (thiều) là tháng tân-tý, mồng 1 kỷ-dậu.

Mồng 8 giờ mùi Lập-Hạ (sang tiết tháng tư) ngày 24 giờ dần tiểu-mãn.

Tháng Năm (thiều) là tháng nhâm-ngọ, mồng 1 mậu-dần.

Mồng 10 giờ tuất mang-chúng (sang tiết tháng năm) ngày 26 giờ ngọ Hạ-chí.

Tháng Sáu (đủ) là tháng quý-mùi, mồng 1 đinh-mùi.

Ngày 13 giờ mao tiểu-thử, (sang tiết tháng Sáu) ngày
28 giờ tý đại-thử.

Tháng Sáu nhuận (thiếu) mồng 1 ngày đinh-sửu.

Ngày 14 giờ thân Lập-Thu (sang tiết tháng Bảy).

Tháng Bảy (thiếu) là tháng giáp-thân, mồng 1 bính-ngọ.

Mồng 1 giờ mao sử-thử, ngày 16 giờ dậu, bạch-lộ.
(sang tiết tháng Tám).

Tháng Tám (đủ) là tháng ât-dậu, mồng 1 ât-hợi.

Mồng 3 giờ dần thu-phân, ngày 18 giờ tý, hân-lộ.
(sang tiết tháng Chín)

Tháng Chín (thiếu) là tháng bính-tuất, mồng 1 ât-tý.

Mồng 3 giờ ngọ, xươg-giáng, ngày 18 giờ ngọ Lập-
Đông. (sang tiết tháng Mười).

Tháng Mười (đủ) là tháng đinh-hợi, mồng 1 giáp-tuất.

Mồng 4 giờ tý tiểu-tuyết, ngày 19 giờ dần đại-tuyết.
(sang tiết tháng Một).

Tháng Một (đủ) là tháng mậu-tý, mồng 1 giáp-thìn.

Mồng 3 giờ Hợi đông-chí, ngày 18 giờ mùi tiểu-hàn.
(sang tiết tháng Chạp).

Tháng Chạp (thiếu) là tháng kỷ-sửu, mồng 1 giáp-tuất.

Mồng 3 giờ thìn đại-hàn, ngày 18 giờ sửu Lập-Xuân.
(sang tiết tháng Giêng).

Chép theo Bách-Chúng-Kinh.

THỜI TIẾT

MÙA MÀNG VÀ TRÌNH ĐỘ NƯỚC

Ngày	20	tháng	Hai,	Xuân-Sã.	春社
»	4	»	Tám,	Thu-Sã	秋社
»	24	»	Sáu.	Sơ-Phục.	初伏
»	4	»	Nhuận,	Trung-Phục.	中伏
»	14	»	Nhuận,	Mạt-Phục.	末伏

(Nói rằng Mạt-phục ngày 24 là nhâm) !

THỜI TIẾT

MÙA MÀNG VÀ VẠN-VẬT SINH-HÓA

Tháng Giêng (thiều)

Ngày 2 thủy-trạch phúc-kiên, ngày 6 đông-phong giải-đông.
» 11 chạp-chùng thủy-chân, » 16 ngư-chắc phụ-băng.
» 21 Lại tê ngư, » 26 hậu nhận bắc.

Tháng Hai (đủ)

Ngày 2 thảo mộc manh động, ngày 7 đào thủy hoa.
» 12 Thương-canh minh, » 17 ưng hóa vi cư.
» 22 nguyên-điều chí, » 27 lôi nãi phát thanh.

Tháng Ba (đủ)

Ngày 2 thủy điện, ngày 7 đông thủy hoa.
» 13 điều-thử hóa vi Như » 18 hồng thủy hiện.
» 23 bình thủy sinh, » 29 minh cư phát kỳ vũ.

Tháng Tư (thieu)

Ngày 4 Tái-thắng giáng vu tang, ngày 8 Lâu Quắc minh.
» 13 kỳ-dận xuất, » 18 vương-quả sinh.
» 24 khô-thái tú, » 29 mỹ-thảo tử.

Tháng Năm (thieu)

Ngày 5 mạch thu chí, ngày 10 đờng-lang sinh.
» 15 bồi thủy minh, » 20 phản-thiệt vô thanh.
» 26 lộc giác giải.

Tháng Sáu (đủ)

Ngày 2 Điều thủy minh, ngày 7 bán-hạ sinh.
» 13 ôn-phong chí, » 18 tất-xuất cư bích.
» 23 ưng thủy chấp » 28 hủ thảo vi oánh.

Tháng Nhuận (thieu)

Ngày 3 thổ nhuận Nẫu thử, ngày 8 đại vũ thời hành.
» 14 lương phong chí. » 19 bạch-lộ giáng.
» 24 Hàn Thiên minh.

Tháng Bảy (thieu)

Ngày 1 ưng nãi tê điều, ngày 6 thiên địa thủy túc.
» 11 Hòa nãi đặng, » 16 hồng nhận lai.
» 21 nguyên-điều quy, » 26 quân điều đượng tu.

Tháng Tám (đủ)

Ngày 3 lôi thủy thu thanh, ngày 8 chấp chủng phối hộ.
» 13 thủy, thủy hạc, » 18 hồng nhận lai tân.
» 23 tước nhập đại thủy vi cấp, » 28 cúc hữu hoàng hoa.

Tháng Chín (thiều)

Ngày 3 sải nãi tê thú, ngày 8 thảo mộc hoàng lạc.
» 13 chạp chùng hàm phủ, » 18 thủy, thủy băng.
» 23 thủy, thủy đông, » 28 Trĩ nhập đại thủy vi
[Thân.

Tháng Mười (đủ)

Ngày 4 Hồng tàng bát hiện, ngày 9 thiên khí thượng thăng,
[địa khí hạ giáng.
Ngày 14 bê tắc nhi thành đông, ngày 19 hạt đán bát minh,
» 24 Hổ thủy giao, » 29 Lộ đính xuất.

Tháng Một (đủ)

Ngày 3 kỳ-dận kết, ngày 8 Lộc giác giải.
- 13 thủy toàn động, - 18 nhận bắc hương.
- 23 Thước thủy sào, - 28 trĩ cú.

Tháng Chạp (thiều)

Ngày 3 kê nhũ, ngày 8 trinh điều lệ tạt.
- 13 thủy trạch phúc kiên - 18 đông-phong giải đông.
- 23 chạp chùng thủy chân, - 28 ngư chắc phụ băng.

BÀI CA CHIÊM NGHIỆM MÙA MÀNG

TIẾT KHÍ 12 THÁNG

Tháng Giêng:

Gắm xem mông một đầu năm, tuyết bay mây kéo tôi
tắm chân giới, là điểm đại hạn chẳng sai, ngày rằm nắng
hoa quả tốt tươi bội phar. . .

Lập-xuân ngày ấy hằng trời, nông gia cấy cấy thành
thời được mùa.

Tháng Hai:

Kinh Chạp ngày ấy sâm vang, thời ra thóc gạo rẻ ngang
đất bùn. Xuân-phân được trận mưa phùn, trẻ già khỏe
mạnh bệnh nản cũng thừa.

Xuân-sã ngày ấy mà mưa, hoa quả thời kém, thóc rư
được mùa.

Bông gạo, đỗ, mạch, có thừa; bởi chưng trong tháng
được ba Mão ngày (1)...

Tháng Ba:

Nơi nao mong một mà mưa, ra tai ôn-dịch lắm nhà
phiên ưu! mong ba mà được ngày mưa, chăn nuôi vừa
dễ vừa rư tơ tằm. Thanh-minh ngày ấy gió nồm, ắt là
gặt hái gấp năm gấp mười.

Tháng Tư:

Ngày Lập-Hạ gió Đông-phong, trẻ già ăn ngủ chẳng
phòng bệnh chi. Mong 4 mà mưa rì-rì; cơ giới thầy thế
ắt thì thóc cao! Mong 8 mưa mới quý sao, đã mừng mùa
được, mặc hoa quả còi! ví bằng mong 8 nắng giời, chỉ
duy hoa quả tốt tươi thôi mà.

Ngày giáp-tý ngày canh-thìn, nêu mà sắm động giữ gìn

(1). Tháng Hai mà có 3 ngày Mão, thì bông-gạo, lúa-
mạch và đỗ được mùa.

Lúa bông, kéo mà lằm giồng hại chùng, từng đàn châu
căn đòng-đong còn gì ?

Tháng Năm :

Đoan-ngọ mưa thì được mùa, Hạ-chí mưa nữa cũng
là phong đăng.

Hạ-chí gió Tây-Bắc phương, rau rura vườn hồng dễ
thường nói ch·ri.

Tháng Sáu

Tam-Phục (1) tuần ấy đây mà, ví bằng nắng giữ thóc
mùa lép bông; Thóc chẳng lép, tai nân không; rồi ra
mưa tuyết ba đông lạnh lùng !

Tháng Bảy :

Lập-Thu mưa nắng thê nào, mưa phùn tốt lúa, nắng hao
mật mùa ! Nếu ngày Sửu-Thử giới mưa, rồi ra thóc hạt,
cũng là vút đi !

Tháng Tám :

Thu-Phân mây trắng đầy giới, lúa con (2) được khắp
mọi nơi ca mừng. Chấn lo sấm chớp đùng-đùng; sang
Đông giá gạo biết rằng làm sao ?

Ngày Thu-sĩ có mưa rỏ, sang năm thóc lúa thu vào
đầy kho.

(1) Tam-phục là : Sơ-phục, trung-phục, mật-phục.

(2) Lúa con là lúa ở gốc già nảy ra, sách thuộc gọi là
canh-mễ.

Tháng Chín :

Mông một sương (bay) sự chẳng lành ! Mông 9 mưa
lúa dành gặt mau... Giăng đồ ói người ốm đau ; sấm ra
tháng chín gạo rau cao đều.

Tháng Mười :

Ngày Lập-Đông mà ngày Nhâm ; ruộng cao lai-tuê (1)
phí tâm thôi mà ! Lại là Nhâm-Tý nữa kia ; tai thương
tật bệnh hay gì Lập-Đông ?

Ngày rằm nắng, âm cả mùa, mười sáu nắng than củi
vừa giá thôi.

Tháng Một :

Mông 1 gió Tây trộm (cắp) nhiều, ví bằng có Tuyết ma
yêu quây rây ! Đông-chí nắng lán mặt giới, sang năm ca
tụng vui chơi thái bình.

Tháng Chạp

Ngày mông 1 gió Đông-phong, chăn nuôi lục-xúc để
phòng nó toi !

Ví như ngày ấy nắng trời, nhủ nông-gia cứ phóng-hoải
(2) ngại chi !

Ví bằng Tuyết giá ngày ni ; sang năm đại-hạn dễ thì
chẳng sai !

(1) Lai-tuê là sang năm.

(2) Phóng hoải cũng như phóng tâm.

TỔNG NGÔN :

Nôm na lược dịch mấy nhời ; hăm bốn tiết-khí ta thời
nghiệm xem ? sai cũng nên ; đúng cũng nên ; biết đâu
hỏi lại cổ-nhân cho rành.

Dịch bài « Phong-năm Ca »
ở sách Chư-gia-tuyển-trạch ký.

TƯỜNG-THUẬT

CANH-NGO XUÂN-NGƯU THI

Mùa Xuân hại đồng Tằm ; Dầu đất tựa hoàng cầm !

Mùa Hạ mưa nước ít, Thu Đông cạn ao đầm...

Hai mùa gặt hái nhọc, chưa đủ chuộc đồ cấm.

Biết để buôn vàng bạc (1) ; may ra lãi gấp năm.

Vì bài này đã in vào hình con Trâu ở trang 4 trên này ;
nhưng ngại không được rõ, nên tường thuật để các
ngài minh-lãm.

(1) Địa-mẫu-kinh rằng : móng một đầu năm mà ngày
Canh thì năm ấy vàng đất.

JANVIER		Tháng 12 đủ	FÉVRIER		Tháng 1 ^{er} thiếu
1	Mr.	2 Tân Hợi	1	S.	3
2	J.	3	2	D.	4
3	V.	4	3	L.	5
4	S.	5	4	M.	6
5	D.	6	5	Mr.	7
6	L.	7	6	J.	8
7	M.	8	7	V.	9
8	Mr.	9	8	S.	10
9	J.	10	9	D.	11
10	V.	11	10	L.	12
11	S.	12	11	M.	13
12	D.	13	12	Mr.	14
13	L.	14	13	J.	15
14	M.	15	14	V.	16
15	Mr.	16	15	S.	17
16	J.	17	16	D.	18
17	V.	18	17	L.	19
18	S.	19	18	M.	20
19	D.	20	19	Mr.	21
20	L.	21	20	J.	22
21	M.	22	21	V.	23
22	Mr.	23	22	S.	24
23	J.	24	23	D.	25
24	V.	25	24	L.	26
25	S.	26	25	M.	27
26	D.	27	26	Mr.	28
27	L.	28	27	J.	29
28	M.	29			Tháng 2 đủ
29	Mr.	30			1
		Tháng 1 ^{er} thiếu	28	V.	
		(年午庚)			
30	J.	1 Canh Thìn			
31	V.	2			

MARS		Tháng 2 đủ	AVRIL		Tháng 3 đủ
1	S.	2	1	M.	3
2	D.	3	2	Mr.	4
3	L.	4	3	J.	5
4	M.	5	4	V.	6
5	Mr.	6	5	S.	7
6	J.	7	6	D.	8
7	V.	8	7	L.	9
8	S.	9	8	M.	10
9	D.	10	9	Mr.	11
10	L.	11	10	J.	12
11	M.	12	11	V.	13
12	Mr.	13	12	S.	14
13	J.	14	13	D.	15
14	V.	15	14	L.	16
15	S.	16	15	M.	17
16	D.	17	16	Mr.	18
17	L.	18	17	J.	19
18	M.	19	18	V.	20
19	Mr.	20	19	S.	21
20	J.	21	20	D.	22
21	V.	22	21	L.	23
22	S.	23	22	M.	24
23	D.	24	23	Mr.	25
24	L.	25	24	J.	26
25	M.	26	25	V.	27
26	Mr.	27	26	S.	28
27	J.	28	27	D.	29
28	V.	29	28	L.	30
29	S.	30			Tháng 4 thiếu
		Tháng 3 đủ	29	M.	1
30	D.	1	30	Mr.	2
31	L.	2			

MAI		Tháng 4 thiêu	JUIN		Tháng 5 thiêu
1	J.	3	1	D.	5
2	V.	4	2	L.	6
3	S.	5	3	M.	7
4	D.	6	4	Mr.	8
5	L.	7	5	J.	9
6	M.	8	6	V.	10
7	Mr.	9	7	S.	11
8	J.	10	8	D.	12
9	V.	11	9	L.	13
10	S.	12	10	M.	14
11	D.	23	11	Mr.	15
12	L.	14	12	J.	16
13	M.	15	13	V.	17
14	Mr.	16	14	S.	18
15	J.	17	15	D.	19
16	V.	18	16	L.	20
17	S.	19	17	M.	21
18	D.	20	18	Mr.	22
19	L.	21	19	J.	23
20	M.	22	20	V.	24
21	Mr.	23	21	S.	25
22	J.	24	22	D.	26
23	V.	25	23	L.	27
24	S.	26	24	M.	28
25	D.	27	25	Mr.	29
26	L.	28			
27	M.	29			
		Tháng 5 thiêu			Tháng 6 đủ
28	Mr.	1	26	J.	1
29	J.	2	27	V.	2
30	V.	3	28	S.	3
31	S.	4	29	D.	4
			30	L.	5

JUILLET		Tháng 6 đủ	AOUT		Tháng nhuận thiếu
1	M.	6	1	V.	7
2	Mr.	7	2	S.	8
3	J.	8	3	D.	9
4	V.	9	4	L.	10
5	S.	10	5	M.	11
6	D.	11	6	Mr.	12
7	L.	12	7	J.	13
8	M.	13	8	V.	14
9	Mr.	14	9	S.	15
10	J.	15	10	D.	16
11	V.	16	11	L.	17
12	S.	17	12	M.	18
13	D.	18	13	Mr.	19
14	L.	19	14	J.	20
15	M.	20	15	V.	21
16	Mr.	21	16	S.	22
17	J.	22	17	D.	23
18	V.	23	18	L.	24
19	S.	24	19	M.	25
20	D.	25	20	Mr.	26
21	L.	26	21	J.	27
22	M.	27	22	V.	28
23	Mr.	28	23	S.	29
24	J.	29			
25	V.	30			
		Tháng nhuận thiếu	24	D.	1
26	S.	1	25	L.	2
27	D.	2	26	M.	3
28	L.	3	27	Mr.	4
29	M.	4	28	J.	5
30	Mr.	5	29	V.	6
31	J.	6	30	S.	7
			31	D.	8
					Tháng 7 thiếu

SEPT.		Tháng 7 thiếu	OCTOBRE	Tháng 8 đủ	
1	L.	9	1	Mr.	10
2	M.	10	2	J.	11
3	Mr.	11	3	V.	12
4	J.	12	4	S.	13
5	V.	13	5	D.	14
6	S.	14	6	L.	15
7	D.	15	7	M.	16
8	L.	16	8	Mr.	17
9	M.	17	9	J.	18
10	Mr.	18	10	V.	19
11	J.	19	11	S.	20
12	V.	20	12	D.	21
13	S.	21	13	L.	22
14	D.	22	14	M.	23
15	L.	23	15	Mr.	24
16	M.	24	16	J.	25
17	Mr.	25	17	V.	26
18	J.	26	18	S.	27
19	V.	27	19	D.	28
20	S.	28	20	L.	29
21	D.	29	21	M.	30
		Tháng 8 đủ			Tháng 9 thiếu
22	L.	1	22	Mr.	1
23	M.	2	23	J.	2
24	Mr.	3	24	V.	3
25	J.	4	25	S.	4
26	V.	5	26	D.	5
27	S.	6	27	L.	6
28	D.	7	28	M.	7
29	L.	8	29	Mr.	8
30	M.	9	30	J.	9
			31	V.	10

NOV.		Tháng 9 thiếu	DEC.		Tháng 10 đủ
1	S.	11	1	L.	12
2	D	12	2	M.	13
3	L.	13	3	Mr.	14
4	M.	14	4	J.	15
5	Mr.	15	5	V.	16
6	J.	16	6	S.	17
7	V.	17	7	D.	18
8	S.	18	8	L.	19
9	D.	19	9	M.	20
10	L	20	10	Mr.	21
11	M.	21	11	J.	22
12	Mr.	22	12	V.	23
13	J.	23	13	S.	24
14	V.	24	14	D.	25
15	S.	25	15	L.	26
16	D.	26	16	M.	27
17	L.	27	17	Mr.	28
18	M.	28	18	J.	29
19	Mr.	29	19	V.	30
		Tháng 10 đủ			Tháng 11 đủ
20	J.	1	20	S.	1
21	V.	2	21	D.	2
22	S.	3	22	L.	3
23	D.	4	23	M.	4
24	L.	5	24	Mr.	5
25	M.	6	25	J.	6
26	Mr.	7	26	V.	7
27	J.	8	27	S.	8
28	V.	9	28	D.	9
29	S	10	29	L.	10
30	D.	11	30	M.	11
			31	Mr.	12

JAN. 1931		Tháng 11 đủ	FEV. 1931		Tháng 12 thiếu
1	J.	13	1	D.	14
2	V.	14	2	L.	15
3	S.	15	3	M.	16
4	D.	16	4	Mr.	17
5	L.	17	5	J.	18
6	M.	18	6	V.	19
7	Mr.	19	7	S.	20
8	J.	20	8	D.	21
9	V.	21	9	L.	22
10	S.	22	10	M.	23
11	D.	23	11	Mr.	24
12	L.	24	12	J.	25
13	M.	25	13	V.	26
14	Mr.	26	14	S.	27
15	J.	27	15	D.	28
16	V.	28	16	L.	29
17	S.	29			
18	D.	30			
		Tháng 12 thiếu			
19	L.	1			
20	M.	2			
21	Mr.	3			
22	J.	4			
23	V.	5			
24	S.	6			
25	D.	7			
26	L.	8			
27	M.	9			
28	Mr.	10			
29	J.	11			
30	V.	12			
31	S.	13			

VĂN-CHƯƠNG NHƯ TẾT

CẢM TÌNH LỊCH VỚI NGÀY TẾT

Tôi là HỒN Lịch Xem-Lây-May, xin thay lời cả Lịch Nê-lây-Vợ năm ngoái để hầu truyện chur Quân-Tử :

Vốn dĩ đồng loại với tôi mà xưng danh là LỊCH thì nhiều chủng phái. Song bất luận rằng theo Dương-độ-sô, hoặc theo Âm-độ-sô, ở đâu chúng tôi cũng cứ sinh-chường vào vụ tết của nhân-gian..... Mà ở vào khoảng Việt Hoa này, thì lại thêm nhiều thú vị : Kia Thủy-Tiên nó phô hương ; nọ chàng Paáo nó đua thanh sắc ; kia Nêu xanh, Đồi đỏ, nó theo cổ tục. Biết bao là chè, mứt, nhang, hoa, áo sang, dây đẹp, nó chia ngọt sẻ bùi với tôi, nó làm đóm cho tôi... Những thứ ấy là đồng thời giáng sinh với tôi cả; tôi cũng không chắc rằng các thứ ấy, là tinh-hoa của Tạo-hóa, hay là cặn-bã của vạn vật ?

Tại tôi được nghe những tiếng đặc-biệt với ngày đưng là câu chúc Tết : Nào là sinh 5 để 7 ; tăng tài, tiền lộc ; buôn may bán đắt, v.v.

Có khi đem bán cả Cọ Bảnh-Tổ ra một nhời chúc, nghĩ cũng nực cười !

Mắt tôi được nom những cảnh-tượng Tết : Biết bao những về nô-nức tết, tập-tễnh xuân ; những mùi phú quý những nệp phong-lưu.... Thậm chí đi ra Tết, đưng ra Tết, cái cặp môi nó cũng bôm-ba bôm-bôm miệng trầu Tết ?..

Bởi vì ngũ-quan tôi xúc-tiếp với cảnh Tết đậm-đá như vậy cho nên cảm-tình lai-láng, mà văn nảy ra cũng như dò hoa Tết, kêu cũng như chàng Pháo Tết... Thành thử bao nhiêu cảnh-vật trong 3 ngày tết cũng là Văn mà văn cũng như Tết vậy.

LỊCH tôi lại có lời xin hiên các bạn thường văn rằng : Các ngài đã vì tôi xem lây may; thì tôi cũng xin chúc các ngài « mọi sự gặp may cả!... » Vì cái tình mua văn bán chữ, nhà hàng tiếp khách, đầu năm cũng phải có câu truyện nói lây may vậy.

Lịch XEM-LAY-MAY

Kính chúc

Mừng Xuân

Ngày Xuân thực thành thời,
Xuân bút viết nên nhời :
Xuân tứ nhiều điều thú,
Xuân tình lắm cảnh vui !
Cụ già ngon xuân ngủ,
Lũ trẻ thích xuân cười...
Xuân Đồi hoe mầu cửa ;
Xuân Hoa đẹp về người !
Gió mưa Xuân khí thuận,
Đông ánh sắc Xuân tươi.
Xuân cả hai năm triệu,
Mừng Xuân đôt pháo chơi.

Long-Hòa V.-Ng.-Ph.

LƯỢC THUẬT PHÉP XEM ĐỊA-LÝ

Ta có câu rằng : «Được về mô về mã, ai được về cả bát ăn !...» Song mà được gì chứ được mã, ai chẳng thêm muôn ? Vì của vì con mà khiến cho nhân dục nâng cao cái hy-vọng đến chỗ địa-vị giầu địa-vị sang mới mãn nguyện !

Tôi lại nghĩ câu « Phúc địa đãi phúc nhân » vậy tôi thử tả cái hình dạng quả « phúc » ra đây ! để hiền ngài nào có công thử tìm xem. Hoặc giả biệt hoạ mà tránh cũng còn hơn không biết :

Ta định ngắm một thửa ruộng nào ? Ta định cầm huyết trông về phương nào ? Trước hết hãy xem Long, Hổ đã. Tay Long ở bên tả, tay Hổ ở bên hữu... nghĩa là cái đường đi vòng lại, hoặc cái bãi, hoặc ruộng cao hơn chỗ để huyết một tý... Long nghiệm về con trai ; Hổ nghiệm về con gái. Tay Long bẻ trái ra là Long-phản-sa, bị đứt quãng nào là thương Long quãng ấy ! Tay Hổ cũng vậy ; những cách đó là bại đinh nên tránh !

Cho nên Cụ Tả-Ao có câu rằng : « Hễ khuynh tả phản bội thời hung ! » lại câu nữa « Sa chữ nào mặc sa đừng giờ lưng vào đừng đâm dọc lại !... » nghĩa là thế.

Trong lòng tay Long tay Hổ là Nội-Đường ; cốt phải ruộng thấp hơn chỗ để huyết và rộng rãi mà bao-hảm thì tốt. Lời Cụ Tả-Ao có dạy : « Nội-đường cứ ruộng luông lòng, dù hùng-thủy hay thư-thủy phải cho chứa tụ ».

Trước mặt là Án . . . Tay Hồ đương đi, chìm xuống một quãng, rồi nổi lên thành cái án ; thời là « Hồ thôi thân tác Án » hoặc bên tay Long thì gọi là « Long thôi thân tác Án ». Nhưng mà cốt nhất là Án phải châu Huyệt thời mới hay. . . . Xem như câu này của cụ Tả-Ao : « Trước mặt có đồng đay giả, dù Long-Án hay Hồ-Án phải cho hướng châu ».

Đằng trước là Án, đằng sau là Trảm, Án thì đứng cao quá, Trảm thì đứng thấp quá, nước thì kiêng chảy rĩa ra góc, hai vai Long Hồ đứng khoanh lại đằng sau như thế gù lưng (1) . . . Những kiểu cách đó là sâu cả. Hãy xem mấy câu này :

« Sơn cứ nơi Trảm hậu giải cao ;

« Hướng lánh chôn thủy lưu độc xuất !

Trước mặt chớ cước cao quá nhỡn,

[thời nhân phẩm chẳng phẩm ngu.

« Hai vai đứng Long Hồ kính quyền,

[thời tử tôn không suy bại ! . . . »

Ta hãy xem cho biết những cận án đó, rồi ra xem rộng càng biết càng hay. Chớ cũng đừng nề ngũ-hành bát-quái gì vội. Bởi cụ Tả-Ao có câu rằng :

« Chữ lý hãy biện bạch, chớ nề bát-quái phân-vân ;

(1) Cũng có thuyết rằng : « Long, Hồ kính quyền » là 2 đầu tay Long tay Hồ đầu nhau, mà gồ lên như hình nắm tay vậy. . . Nghe cũng có lẽ.

« Cạn án đã hợp chông, đừng thấy viễn châu ngò
[hoặc ! »

Vậy tôi lại thuật câu này nữa :

« Dám khuyên rằng tiểu-kỹ chưa tường,
« Thời cứ phải đại-cương làm trước. »

Trích lục : Bài ĐẠI-CƯƠNG-LUẬN

Của Cụ TÀ-AO

NHỜI BÌNH CỦA NGƯỜI LÀM LỊCH

Nghề xem phong-thủy ở vào hiện thời nước Ta bây giờ, tin cũng có, chẳng tin cũng có. . . Nhưng mà đại-đa-sô là cái lòng tin với chẳng tin ở chỗ không biết cả.

Ta thử hỏi rằng : Tại sao đề hải cốt vào chỗ ấy mà con cháu lại được phát phú hay là phát quý ?

Tôi xin đỡ lời rằng : Bởi vì một đẳng thể-phách, một đẳng tinh-anh, 2 khí tương-cầu hóa cho nên có kết có phát ! . . . Mà lẽ « giới cho » chẳng qua cũng là hai cái khí tương-cầu của giới của ta ; nó xúc-phát cũng thế nào như cái kim nó vạch vào đĩa hát, nảy ra giọng bồng giọng chầm vậy.

VU-NGUYEN-PHO

BÓI TIÊU-LỤC-NHÂM

Bản đồ có 6 cung là những cung này : Đại-An, Lưu-liên, Tộc-hỷ, Sích-khẩu, Tiểu-cát, Không-vong.

BẢN TAY TRÁI	L. L. hai, tám.	T. H. ba, chín.	S. K. tư, mười.	
	Đ. A. giêng, bảy,	K. V. sáu, chạp	T. C. năm một	

Tháng giêng tính bắt đầu từ cung Đại An (Đ. A.) tháng hai Lưu-Liên (L. L.) tháng ba Tộc-Hỷ (T.H.) Cứ lần lượt như bản tay hình vẽ đây.

Phép tính : Giả thử hôm nay là tháng ba ngày bảy giờ thìn, thì tính như thế này :

Tháng ba bắt đầu cung T. H. Mông một S. K. mông hai T. C. mông ba K. V. mông bốn Đ. A. mông năm L.L.

mồng sáu T. H. mồng bảy S. K. Tính song ngày tiếp
đền giờ: Giờ tý T. C. giờ Sửu K. V. giờ dần Đ. A. giờ
mão L. L. giờ thìn là T. H. Như vậy thì biết rằng: « Giờ
thìn hôm mồng 7 tháng ba là giờ Tộc-Hỷ. »

Lại như: Hôm nay là tháng giêng ngày bốn giờ Sửu.
Tháng giêng ở cung Đ. A. mồng một L. L. mồng hai T. H.
mồng ba S. K. mồng bốn T. C. giờ tý K. V. giờ Sửu Đ. A.

NHỜ! ĐOÁN :

Đ. A — Cầu tài có lợi — Mất của chưa ra khỏi —
Gia trạch yên ổn — Hành nhân (1) chưa khởi hành —
Bệnh vô ngại.

L. L -- Mưu sự, chẳng ra sao -- Quan sự nên hoãn --
Hành nhân chưa về -- Mất của tìm phương Nam --
Gia trạch bình.

T. H -- Cầu tài đi về phương Nam -- Quan sự, gặp
cứu — Bệnh không lo -- Điền viên, lục súc, vượng --
Hành nhân có tin tức. -- Mất của, tìm ngay.

S. K. -- Quan sự phòng vạ miệng -- Mất của mau đi tìm
-- Hành nhân bị kinh hãi -- Xúc vật sinh quái gỡ --
Bệnh nhân bị nguyên rủa, nên lễ.

T. C. -- Mưu sự hay -- Thất vật tìm ngay thấy -- Bệnh
cứng khó. Quan sự qua -- Hành nhân sắp đến nơi.. -- Gia
trạch hay.

(1) Hành nhân, nghĩa đen là người đi. Nên hiểu rõ :
Hành nhân là có ai đi xa, nhà mong người ấy về, thì
người ấy là Hành nhân.

K . V. -- Cầu tài vô ích -- Hành nhân bị tai nạn -- Mất của tìm chẳng thấy -- Quan sự phải hình phạt -- Bệnh nhân nên cúng.

(Trích lục ở sách THỜI-KHÓA họ Lý.)

CÂU TRUYỆN LÀM LỊCH

Một thứ lịch xem ngày đóng thành quyển, in bằng chữ quốc-ngữ ; thực là khai-thủy mới có vài năm nay tự tôi biên-soạn và xuất-bản ra trước nhất.

Quyển năm ngoái nhan đề là : « Nền-lây-Vợ » trong một thời gian tết, tiêu-thụ hết ngay 2 nghìn quyển . . . Cái hiệu-quả của sự xem lịch này tiện lợi thế nào đã nhiều người công-nhận.

Như quyển Lịch năm Canh-ngọ (1930) này, có tăng-bổ nhiều thứ, các ngài tề-nhận tự khắc biệt công . . . Tuy nhiên tôi đã kê-cứu rất kỹ lưỡng, nhưng cũng còn e người thức-giả, xét đoán ; nên phải có lời thưa truyện :

Khi Lịch « Xem-lây-May » Đang sắp chữ đèn chỗ ngày tháng Sao gì Trục gì vân vân thời vừa gíp có lịch Tấu Xuất-bản Hoặc có ngài sui tôi mua một quyển về so thử xem có đúng không ? Tôi xin thưa lại rằng : Nếu ngài bảo lịch tôi không chắc đúng lịch Tấu, thời lịch Tấu cũng không thể tin được nữa. Vì lịch tôi tính theo âm-độ-sô, lịch Tấu cũng là âm-lịch, hai cây cùng một đồng, hai cành cùng một

gốc; khi nào khác nhau được! Duy chỉ có lịch Táo
thỉnh thoảng phải chỗ nhầm là bởi thợ sắp chữ;
tưởng cũng nên mách các độc-giả biết:

Như năm Kỷ-Tỵ vừa rồi, ngày 26 tháng Hai,
hôm ấy trực Kiến không phải trực Trừ; Ngày 29
tháng Tư cũng vậy. Ngày 7 tháng một, trực Khai
không phải trực Bê... mà lịch Táo có bản in nhầm
như thế cả; thành thử sâu đánh ra tốt, tốt đánh
ra sâu! Những ngộ-diểm ấy có ai biết đâu? Còn
nhiều lẽ nữa xin để dành phần công-luận.

*

*

*

NGÀY NHẬT-THỰC NGUYỆT-THỰC

Lịch Xem-lây-may chưa có thể in rõ ngày nào
Nhật-thực, ngày nào nguyệt-thực được.... Vả chẳng
tôi cũng chưa thấy ai kinh nghiệm được lẽ gì về cái
bóng mặt trời khi đỏ khi đen, mặt trăng khi mờ khi sáng
ây. Chẳng qua những hôm có nhật-thực chỉ làm cho ta
phải một bữa mờ mắt mà tai nghe những tiếng
đập mẹt (1) cũng thường rồi.

(1) Ta cứ theo tục truyền các Cụ nói rồi trẻ con
rằng: «Đó là Gâu ăn Răng, hễ nhiều người đập mẹt
cho âm-ỹ lên, thì Gâu tróng nhả Răng.» Tưởng cũng
là một cách chân-áp gì đó; Ý giả cũng như lời thả
Riêu cho đỡ lệ-khí kia. Vì ta tinh-thần để cả vào
tiếng sáo, thì khắc là cân-thể gắng sức, mà đỡ cảm
nhiễm khí độc là thế.

Xem ý nhiều người thế nào đã, chờ quyền lịch năm khác tôi sẽ in đủ.

*

*

*

LỊCH MỚI NĂM TÂN-MÙI

(1931)

Các ngài dùng lịch lời mới đóng thành quyển này, làm quà cho khách mua hàng, có 3 điều đặc biệt với lịch bóc từng ngày như thế này:

1° Giá lịch không đắt như lịch bóc ngày, mà lại nhiều người thích xem hơn.

2° Một người mua hàng được quyển lịch mới này, thì lại huyền truyền cho nhiều người biết đến mua hàng nữa.

3° Lịch xem hết năm vẫn còn giữ lại, thành thử thanh-danh quý hiệu còn mãi.

Bởi nhiều ngài ái-cô thứ lịch mới của tôi như vậy, cho nên sang năm Tân-Mùi tôi định xuất bản sớm, các quý hiệu có đặt in lịch để làm quà tết, nên bảo sớm, có lẽ chỉ cuối tháng Octobre đã in xong rồi. Xin các ngài nhớ cho, kéo lại chách tôi không thanh toán trước.

Nay kính bạch

V.-Ng.-Ph. 142, Rue Davillier
HANOI

CON NHÃ TÔNG

Tôi vốn thừa lộc tổ phụ, chuyên nghề thuốc thang, học hành nhiều sách, kinh nghiệm đủ phương.

Thứ nhất là các chứng **thai tiền**, **sản hậu** các chứng **tê thấp**, các chứng **ho lao**, dù nguy nan thế nào; cũng khắc là **được-đáo-xuân-hồi...**

Xin các ngài **xem** Lịch-mới này, nếu có thấy ai mắc phải các bệnh ấy, nên mách làm phúc.

Dù bệnh đã lâu, thuốc thang chưa phải mặt, cứ tìm ngay đến tôi, là được vô ngại.

Xin nhớ:

Hiệu **LONG-HÒA**

Nhãn hiệu con Rồng-Xanh

Nº 142, Rue Duvillier, Hanoi

Ngay đường xe điện chạy Cầu-Giây

xê nhà Tám-mái

GIỜ XE LỬA

Hanoi à Namdinh		Namdinh à Hanoi	
Matin	6 h 04	Matin	4 h 14
»	8 . 46	»	5 . 45
»	10 . 56 (a)	»	9 . 51
Soir	13 . 37	Soir	13 . 28
»	14 . 57	»	16 . 49
»	17 . 10 (a)		
»	18 . 23		
»	19 . 40		
Namdinh à Thanhhoa		Thanhhoa à Namdinh	
Matin	4 h 50	Matin	2 h 07
»	8 . 41	»	6 . 00
Soir	16 . 17	Soir	14 . 14
»	21 . 51	»	14 . 36
Vinh à Phuc-Trach		Phuc-Trach à Vinh	
Matin	3 h 41	Matin	5 h 50
»	5 . 29	Soir	17 . 52
Soir	16 . 19	»	20 . 42
Phuc-Trach à Thuan-Ly		Thuan-Ly à phuc-Trach	
Matin	5 h 34	Matin	9 h 57
»	7 . 51	Soir	13 . 48
»	8 . 11	»	17 . 07
Soir	20 . 08		

(a) 2 chuyên này chỉ chạy đến Cầu-Guột thôi.

Thuan-Ly à Huê Matin 9 h 05 » 11 . 54 Soir 14 . 55	Huê à Thuan-Ly Matin 9 h 04 Soir 13 . 10 » 16 . 38
Huê à Tourane Matin 5 h 49 Soir 13 . 09 » 16 . 43	Tourane à Huê Tourane Marché 5 h 28 » 14 . 29 Centrale 5 . 48 » 10 . 20 » 14 . 49
Thanhhoa à Vinh Matin 5 h 53 » 11 . 21	Vinh à Thanhhoa Soir 22 h 40 10 . 12 » 14 . 23
Vinh à Bèn-Thuy Matin 6 h 00 » 9 . 15 » 12 . 30 Soir 15 . 29 » 18 . 00 » 20 . 15	Bèn-thuy à Vinh Matin 5 h 00 » 7 . 00 » 9 . 45 Soir 13 . 45 » 15 . 55 » 19 . 15
Hanoi à Thicau Matin 6 h 00 » 10 . 42 » 12 . 59 Soir 15 . 43 » 17 . 44	Thicau à Hanoi Matin 6 h 56 - 8 . 18 - 10 . 32 - 12 . 55 Soir 14 . 18 - 18 . 07

Phu-Lang-Thuong à Nacham Matin 7 h 54 » 10 . 05 Soir 15 . 00	Nacham à Phu-Lang-Thuong Matin 5 h 15 - 11 . 21 Soir 16 . 05
Hanoi à Haiphong Matin 6 h 55 » 7 . 39 » 12 . 48 Soir 16 . 32 » 20 . 39	Haiphong à Hanoi Matin 6 h 30 - 8 . 06 Soir 13 . 27 - 16 . 10 - 18 . 00 - 20 . 53
Hanoi à Lao-Kay Matin 6 h 17 - 9 . 00 Soir 13 . 57 - 17 . 32 - 20 . 52	Laokay à Hanoi Matin 6 h 44 Soir 14 . 41 - 20 . 25
Yên-Bay à Hanoi Matin 6 h 27 - 12 . 03 Soir 14 . 15 1 . 05	Vinh-yên à Hanoi Matin 7 h 29 - 9 . 59 Soir 15 . 18 - 18 . 16 4 . 13
Viétri à Hanoi Matin 6 h 49 - 9 . 19 Soir 14 . 45 - 17 . 37 3 . 40	Haiduong à Hanoi Matin 5 h 55 - 7 . 48 - 9 . 58 Soir 15 . 10 - 17 . 27 - 22 . 07

THỨ HÀNG VĂN-MINH CỎ!

Thời nay là thời-đại Kim-tiền; khí-dụng [trong gia-đình trọng nhất là đồ kim-khí, như là : Đinh, Nền, Mâm, Chậu, bằng đồng ; và Am đồng, Sanh đồng, Nồi đồng, vãn vãn. Cũng thuộc về kim-khí cả .

Vì các thứ ấy chân-thiết thời đẹp, đun nấu thời bền, mà chính là thứ hàng tự văn-minh có sáng-chê ra, lại càng nên quý lắm.

Tôi xin mách các ngài muốn sắm dụng đồ đồng nên đến hai hiệu :

MỸ-LỘC, 20, Rue des Tasses
ĐỒNG-MỸ, 27, Rue des Tasses
Tức là phố bán hàng Đồng
HANOI

Hai hiệu này buôn bán hàng Đồng lâu năm, đã có tiếng rằng : « Tiên thật của tốt ! » Các ngài không sợ hờ. Đó là cái đặc-sắc mà tôi giới-thiệu với các ngài sành của nên sắm đồ Đồng tại hai hiệu ấy .

Nay kính bạch
VU-NGUYỄN-PHO

PHỤ LỤC
MẤY BÀI THƠ XUÂN

Vui xuân

Xuân vân liên - hòa cảnh với ta;
Xuân đi xuân lại rút không ra ...
Xuân phong hớn-hở tươi mây liễu,
Xuân vũ phương - phi nở miệng hoa,
Bữa chén có xuân say mới thỏa,
Buồng khuya xuân lọt sương quên già!..
Trời xuân chung-đúc riêng ai nhỉ?
Vườn hạnh xuân càng tốt lộc a!..

CẠO RÂU XUÂN

Đề râu ai cũng mĩa xuân già!
Râu cạo ngày xuân ta ngắm ta.
Hớn-hở xuân-dung in má phấn,
Phau-phau xuân-tuyết nạm răng ngà.
Xuân-sanh còn ngấn đôi mày liễu,
Xuân sắc như tia khỏe phượng ba.
Xuân cả mồm ăn cùng mép nói...
Râu cầm nhẵn-nhụi trẻ xuân ra.

YẾN VỀ XUÂN

(Ngụ ý)

Ngày xuân ấm - áp mới về chơi,
Xuân trước xuân nay khác hẳn rồi.
Thẹn vẻ trắng ngần Lê rữa nhị;
Ra màu sanh lướt Liễu châu người!
Liên cánh, ví thử vui diu - dật;
Chấp cánh, cùng bay bổng tuyệt vời...
Thiên hạ đông, tây, nam, bắc rộng;
Đi về Anh Yến ngại chi ai?

THƠ XUÂN (họa vắn)

Trời xuân vốn vẫn một trời chung,
Nhủ khách vườn xuân chớ náo - nùng!
Cũng muốn mưa xuân rậm bấy hạt,
Để cho xuân nhị nảy vài bông.
Xuân thơ ngâm - vịnh tình êm - ái;
Xuân tửu say - sưa ý vẫy vùng!..
Thiên hạ vui xuân đôi lứa cả,
Nhẽ nào xuân nữ khép buồng không?..

V- Ng- Ph.

PHỤ LỤC

Bài ngũ thập tự vịnh

CỦA ÔNG NGUYỄN - NHƯ - QUÝNH

Tuổi tác như tôi chưa mấy mươi,
Mới nă n mười tuổi đội ơn giời.
Trăm năm phúc trạch còn ghi r hữ,
Đôi chữ công danh đã thử chơi !
Văn chẳng phù hoa nhiều bác bề,
Tính hay điểm thoát bởi ta lười. . .
Sáu nghìn ba vạn Xuân còn mãi;
Mỗi tiết càng vui một tiệc cười.

Phụng họa nguyên vận

Năm mươi còn nữa, chín mươi mươi;
Còn lắm công danh lắm lộc giời !
Hậu-Phác sẵn nên vun sỏi kỹ,
Quê, hờn khí hững hờn nhuần chơi. . .
Lên đàn thi-bá rần thường vênh;
Khép cánh thư-hương chỉ tạm lười.
Tu khéo tu sao, nhân nhĩa nhĩ ?
Hội ông, ông cứ gặt gù cười.

L.H. VŨ-NGUYỄN-PHỔ

KÍNH CÁO

Các Quý-khách mua Lịch Xem Lây-May

Lịch tôi có bán lẻ tại các nhà sau này :

Long-Hòa n° 142, Rue Duvillier, Hanoi

Mạc-dinh-Tích 57, Rue des Chapeaux -

Đồng-Xương n° 21, Rue des Ferblantiers -

Dại-Hữu n° 4, Rue Vieille des Tasses -

Các hiệu sách khác, hiệu cổ, hiệu không, nên
cần hỏi kỹ. Giá bán lẻ **0 \$ 20**

LỊCH biểu tết của hiệu LONG-HOÀ

Năm nay tôi ở sa, chỉ cho người đưa
ngay lịch đến từng nhà những quý-khách
uông thuộc. Còn các quý hữu xin thể tất
cho. Vì nhà ở sa xôi, xin cứ khi nào tiện
gặp thời tôi kính tặng. Nếu bi-nhân có quên
thời các ngài cứ nhắc, kéo hết; vì năm nay
tôi đề dành có 300 quyển lịch biểu mà thôi.